

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN QUẾ VÕ  
TỈNH BẮC NINH**

**Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam  
Độc lập- Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2021/HNGĐ- ST.

Ngày: 13/5/2021.

V/v: Chị N xin ly hôn anh S

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ VÕ TỈNH BẮC NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông: Hoàng Ngọc Sơn.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Đức Thực – Cán bộ hưu;

Bà Phan Thị Nhụ - Cán bộ hưu.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Quốc Huy- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Võ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Võ tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Thị Kim Phụng -Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quế Võ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 101/2020/TLST- HNGĐ ngày 22/12/2020 về tranh chấp hôn nhân gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25 /2021/QĐXX-ST ngày 30 tháng 3 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 07A/2021/QĐST- HNGĐ ngày 16/4/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1989. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Đặng Văn S, sinh năm 1983. Vắng mặt.

Cùng HKTT: thôn Tiên Lữ, xã Ngô Quyền, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

Cùng tạm trú: thôn Châu Cầu, xã Châu Phong, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo nguyên đơn là chị Nguyễn Thị N trình bày tại phiên tòa:**

Tôi kết hôn với anh S trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ các quy định của pháp luật, đăng ký kết hôn ngày 04/10/2011 ở UBND xã Ngô Quyền, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương là quê của chồng tôi. Sau khi cưới tôi chuyển hộ khẩu về cùng gia đình anh S ở thôn Tiên Lữ, xã Ngô Quyền, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương. Nhưng thực tế vợ chồng tôi vẫn chung sống cùng gia đình nhà tôi ở thôn Châu Cầu, xã Châu Phong, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh. Vợ chồng chung sống được khoảng 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh S chồng tôi thường xuyên phải đi làm ăn xa thỉnh thoảng mới về ( 06 tháng đến 01 năm mới về ), không có trách nhiệm gì về kinh tế, tình cảm vợ chồng cũng như trách nhiệm gì với con cái. Mặc dù tôi đã rất cố gắng nhiều lần để hàn gắn gia đình vì con cái. Nhưng vì cuộc sống gia đình kinh tế quá khó khăn và làm ảnh hưởng đến tâm lý của con. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt không thể hòa hợp, không thể chung sống đoàn tụ được với nhau nữa. Vợ chồng đã ly thân từ năm

2017 đến nay cắt đứt mọi quan hệ, hai bên đều không có biện pháp nào để đoàn tụ. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục cuộc hôn nhân này nữa, nên tôi giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho tôi. Tôi và mẹ anh S đã thông báo rất nhiều lần cho anh S về giải quyết ly hôn ở Tòa án nhân dân huyện Quế Võ, nhưng anh S vẫn không về.

Về con chung: Vợ chồng tôi có 01 con tên là Đặng Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 21/4/2012 hiện ở với tôi tại thôn Châu Cầu, xã Châu Phong, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh. Ly hôn vì anh S đang phải đi làm ăn xa không có nhà, nên tôi đề nghị tiếp tục giao con cho tôi nuôi. Về cấp dưỡng nuôi con để chúng tôi tự thỏa thuận, tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công sức vợ chồng: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra tôi không yêu cầu gì khác.

**Đối với bị đơn là anh Đặng Văn S:** Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành gửi thông báo thụ lý vụ án cho anh S theo địa chỉ tạm trú, nhưng không thấy anh S trả lời. Tòa án đã tiến hành xác minh gia đình và địa phương nơi anh S tạm trú tại thôn Châu Cầu, xã Châu Phong, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh, kết quả xác minh anh S không có mặt ở nơi tạm trú, không ai biết anh S ở đâu. Theo địa phương nơi vợ chồng anh S tạm trú cung cấp thì: Sau khi cưới vợ chồng anh S về quê Chị N là thôn Châu Cầu, xã Châu Phong ở. Anh S làm nghề tự do, còn Chị N đi làm công nhân ở Khu công nghiệp. Cuộc sống ban đầu của vợ chồng bình thường, không có vấn đề gì. Đến cuối năm 2018 vợ chồng mâu thuẫn về vấn đề kinh tế, do anh S nợ nần nhiều, nên vợ chồng bất đồng cãi nhau, dẫn đến anh S đã bỏ nhà đi đâu cho đến nay không rõ địa chỉ.

Tòa án tiếp tục tiến hành xác minh tại gia đình và địa phương nơi anh S đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Tiên Lữ, xã Ngô Quyền, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương. Kết quả xác minh anh S cũng không có ở đó, gia đình là mẹ đẻ anh S và địa phương cũng không biết anh S ở đâu. Theo bà Nguyễn Thị Phương là mẹ đẻ của anh S cung cấp thì: Năm 2011 anh S kết hôn với Chị N trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Ngô Quyền, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương. Sau khi cưới được vài hôm thì vợ chồng anh S về quê Chị N ở từ đó cho đến nay. Năm 2012 khi Chị N có thai gần đến tháng sinh, thì vợ chồng Chị N về nhà bà ở. Khi sinh con được gần hai tháng thì vợ chồng Chị N lại về quê nhà Chị N ở từ đó đến nay. Từ đó đến năm 2019 anh S thỉnh thoảng có về thăm quê, nhưng từ năm 2019 anh S bỏ đi làm ăn ở đâu không cho vợ và gia đình hai bên biết. Thỉnh thoảng anh S vẫn gọi điện về nhà cho bà và gặp nói chuyện với con, còn địa chỉ anh S ở đâu thì anh S không nói. Qua tìm hiểu bà biết do anh S làm ăn thua lỗ, nợ nần nên đã bỏ gia đình vợ con vào miền Nam làm ăn nhưng không cho ai biết địa chỉ cụ thể ở đâu. Bà đã thông báo cho anh S về việc Chị N đang xin ly hôn anh S ở Tòa án nhân dân huyện Quế Võ, nhưng anh S vẫn không về để giải quyết. Nay Chị N xin ly hôn anh S, bà đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Như vậy anh S đã cố tình trốn tránh che dấu địa chỉ. Tòa án đã tiến hành niêm yết các thủ tục tố tụng cho anh S để giải quyết xét xử vắng mặt anh S theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Võ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Tất cả đều tuân thủ đúng đủ theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn cố tình trốn tránh che dấu địa chỉ, Tòa án đã tiến hành niêm yết các thủ tục tố tụng cho anh S để giải quyết vắng mặt anh S theo đúng quy định của pháp luật. Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 – Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a, Khoản 1, Điều 39; Điều 227, 228, 235, 147 - Bộ luật tố tụng dân sự: Xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Đặng Văn S. Về con chung: Giao cho Chị N trực tiếp nuôi con là cháu Đặng Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 21/4/2012. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con Chị N không yêu cầu nên không đề cập giải quyết. Anh S có quyền và nghĩa vụ thăm nom con sau ly hôn mà không ai được cản trở. Chị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Chị Nguyễn Thị N và anh Đặng Văn S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ các quy định của pháp luật, đăng ký kết hôn ngày 04/10/2011 ở UBND xã Ngô Quyền, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương là quê của anh S. Nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới Chị N chuyển hộ khẩu về cùng gia đình anh S ở thôn Tiên Lữ, xã Ngô Quyền, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương, nhưng thực tế vợ chồng sau khi cưới được mấy ngày thì về chung sống cùng gia đình nhà Chị N ở thôn Châu Cầu, xã Châu Phong, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh. Theo Chị N thì vợ chồng chung sống được khoảng 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh S thường xuyên phải đi làm ăn xa thỉnh thoảng mới về ( 06 tháng đến 01 năm mới về ), không có trách nhiệm gì về kinh tế và con cái. Mặc dù chị đã rất cố gắng nhiều lần để hàn gắn gia đình vì con cái. Nhưng vì cuộc sống gia đình kinh tế quá khó khăn và làm ảnh hưởng đến tâm lý của con. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt không thể hòa hợp, không thể chung sống đoàn tụ được với nhau nữa. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2017 đến nay cắt đứt mọi quan hệ, hai bên đều không có biện pháp nào để đoàn tụ. Theo xác minh ở gia đình và địa phương nơi anh S đăng ký hộ khẩu thường trú và tạm trú thì vợ chồng Chị N có mâu thuẫn từ cuối năm 2018, đầu năm 2019. Nguyên nhân do anh S làm ăn kinh tế thua lỗ, nợ nần nhiều, dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng, anh S bỏ nhà đi đâu không báo địa chỉ, thỉnh thoảng chỉ điện về cho mẹ đẻ và cho vợ để gặp con. Như vậy anh S đã cố tình trốn tránh che dấu địa chỉ, không có trách nhiệm gì với gia đình vợ con. Nay Chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục cuộc hôn nhân này nữa, nên giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy vợ chồng có mâu thuẫn đã lâu, ngày một trầm trọng, vợ chồng xác định không thể chung sống với nhau được nữa nên đã ly

thân nhiều năm nay cắt đứt mọi quan hệ. Anh S đã bỏ nhà đi đâu nhiều năm không cho gia đình vợ con biết địa chỉ, thỉnh thoảng chỉ điện thoại về. Như vậy anh S đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị N là phù hợp pháp luật và thực tế.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Đặng Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 21/4/2012 hiện ở với Chị N. Chị N làm kế toán thu nhập ổn định. Tòa án cũng đã xem xét nguyện vọng của cháu Nam, cháu Nam có nguyện vọng nếu bố mẹ ly hôn thì cháu xin ở với mẹ. Mặt khác hiện nay anh S đang đang bỏ đi đâu không rõ địa chỉ. Nên khi ly hôn cần chấp nhận yêu cầu của Chị N và nguyện vọng của cháu Nam, giao cháu Nam cho Chị N trực tiếp nuôi. Về cấp dưỡng nuôi con Chị N không yêu cầu nên Tòa án không đề cập giải quyết. Anh S có quyền và nghĩa vụ thăm nom con sau ly hôn mà không ai được cản trở.

Về tài sản, công nợ, công sức vợ chồng: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị N phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 - Luật hôn nhân và gia đình. Điểm a, Khoản 1, Điều 39; Điều 227, 228, 235, 147, 271, 273 – Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử: Cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Đặng Văn S. Về con chung: Giao cho Chị N tiếp tục nuôi con chung là cháu Đặng Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 21/4/2012. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con Chị N không yêu cầu. Anh S có quyền và nghĩa vụ thăm nom con sau ly hôn mà không ai được cản trở. Về án phí: Chị N phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận Chị N đã nộp 300.000đ tạm ứng án phí tại biên lai số: 02524 ngày 22/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

Chị N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh S có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện.
- Chi cục Thi hành án dân sự;

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

- UBND xã Ngô Quyền, Thanh Miện, Hải Dương.
- Dương sự.
- Lưu hồ sơ, VP.

**Hoàng Ngọc Sơn**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Đức Thực    Phan Thị Nhụ**

**Hoàng Ngọc Sơn**